TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 05- 2026
V/v Ly hôn;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hoàn
2. Ông Bùi Văn Tuấn

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá không tham gia phiên toà

Ngày 28 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2026 về Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1008/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 05 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị D; sinh năm: 2001

Số căn cước công dân: 038301008895

Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Anh T; sinh năm: 1999

Số căn cước công dân: 038099015214

Địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị D và anh T (Chị D và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/01/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Bùi A Tân kết hôn tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/05/2024 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa - Nay là UBND xã T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hoà thuận đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân vợ chồng không có tiếng nói

chung nên thường xuyên sảy ra cái cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn, hạnh phúc đã thật sự tan vỡ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Anh T.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Anh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị D kết hôn tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 27/05/2024 tại tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa - Nay là UBND xã T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hoà thuận đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh và chị D đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Đến nay, anh cũng xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn, hạnh phúc đã thật sự tan vỡ nên anh đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị D.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ chung: Anh Bùi A Tân không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Anh T. Anh T cư trú tại xã T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị D và anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Bùi A T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/05/2024 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa - Nay là UBND xã T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng chỉ chung sống được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ, chồng thường xuyên bất hòa. Cả chị D và anh T đều xác định tình cảm vợ, chồng không còn đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ, chồng đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó nên căn cứ điều 51, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị D

được ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ, chồng không có con chung chị D và anh T không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Chị D và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị D được ly hôn anh Bùi A Tân

2. Về án phí: Chị Phạm Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị D đã nộp tạm ứng tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Thanh Hóa theo biên lai số 0002700 ngày 08/04/2026. Chị Phạm Thị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Phạm Thị D và anh Bùi Anh T. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Thanh Hoá;
- UBND xã Thành Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Lê Văn Hoàn **Nguyễn Thị Tường Vân** **Bùi Văn Hải**